

Số: 46 /GPMT-UBND

Long Phú, ngày 11 tháng 5 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH xuất nhập khẩu Trường Thành ST ngày 04 tháng 4 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 219/TTr-PTNMT ngày 09 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Trường Thành ST, địa chỉ tại số 99, ấp Cần Đước, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư Công ty TNHH xuất nhập khẩu Trường Thành ST - Địa điểm kinh doanh Nhật Phụng 2, địa chỉ ấp Cái Quanh, xã Tân Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Dự án đầu tư Công ty TNHH xuất nhập khẩu Trường Thành ST - Địa điểm kinh doanh Nhật Phụng 2.

1.2. Địa điểm hoạt động: thửa đất số 994, tờ bản đồ số 2, ấp Cái Quanh, xã Tân Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 17 tháng 01 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 2200773258.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chế biến thủy, hải sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở: Dự án được xây dựng

trên khu đất có tổng diện tích 1.140,4m², công suất khoảng 985,5 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH xuất nhập khẩu Trường Thành ST có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng năm 2022 đến ngày tháng năm 2032).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH xuất nhập khẩu Trường Thành ST;
- Cổng Thông tin điện tử huyện;
- Phòng TN&MT;
- UBND xã Tân Thạnh;
- Lưu: VT, PTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Quốc Lâm

Phụ lục 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 46 /GP-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2022 của UBND huyện Long Phú)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt. Lưu lượng xả thải tối đa 04m³/ngày.
- Nguồn số 2: nước thải sản xuất. Lưu lượng xả thải tối đa 08m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Băng Long, đoạn thuộc ấp Cái Quanh, xã Tân Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Vị trí xả nước thải: Ấp Cái Quanh, xã Tân Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (tọa độ X = 561117; Y = 1063654, hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 6⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 12m³/ngày.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 11-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải chế biến thủy sản ban hành kèm theo Thông tư số 77/2015/TTBTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (áp dụng giá trị C tại cột B, hệ số K_q = 0,9 và K_f = 1,2, riêng thông số pH và Tổng Coliforms không áp dụng hệ số K_q và K_f), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	6 tháng/lần	Không
2	BOD ₅ ở 20 ⁰ C	mg/l	54	6 tháng/lần	Không
3	COD	mg/l	162	6 tháng/lần	Không
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	108	6 tháng/lần	Không
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	21,6	6 tháng/lần	Không
6	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/l	64,8	6 tháng/lần	Không
7	Tổng Photpho (tính	mg/l	21,6	6 tháng/lần	Không

	theo P)				
8	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/l	21,6	6 tháng/lần	Không
9	Clo dư	mg/l	2,16	6 tháng/lần	Không
10	Tổng Coliforms	MPN hoặc CFU/100ml	5.000	6 tháng/lần	Không

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Bố trí mạng lưới thu gom nước mưa chảy tràn không qua sử dụng riêng biệt, không được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

Nước thải sinh hoạt phải được thu gom đưa vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

Mạng lưới thu gom nước thải sản xuất phải được bố trí riêng, bao gồm các hệ thống công, rãnh có lưới lọc rác, các bể xử lý đạt tiêu chuẩn, cuối cùng là ống thải vào nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải sinh hoạt phát sinh phải được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau khi qua bể tự hoại nước thải sinh hoạt sẽ được thải vào nguồn tiếp nhận là Sông Băng Long.

- Công suất thiết kế: thể tích bể tự hoại $9,7m^3$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải sản xuất phát sinh trong quá trình hoạt động phải được thu gom bằng hệ thống riêng, sau đó tập trung về các bể xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, cuối cùng được thải vào nguồn tiếp nhận là sông Băng Long.

- Công suất thiết kế: công suất xử lý $8m^3$ /ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: trường hợp xảy ra sự cố, chủ dự án phải tạm ngưng xả thải để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày Giấy phép có hiệu lực đến ngày 20/5/2022.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại các hệ thống cống, rãnh thu gom; các bể xử lý; cuối ống thải đầu ra.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Ghi chú
1	pH	-	5,5 - 9	
2	BOD ₅ ở 20 ⁰ C	mg/l	54	
3	COD	mg/l	162	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	108	
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	21,6	
6	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/l	64,8	
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	21,6	
8	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/l	21,6	
9	Clo dư	mg/l	2,16	
10	Tổng Coliforms	MPN hoặc CFU/100ml	5.000	

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải: 05 ngày/lần.

- Giai đoạn đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định: 02 ngày/lần.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh trước và trong quá trình hoạt động phải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi: nguồn tiếp nhận nước thải phải đảm bảo về chất lượng nước mặt theo quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

3.3. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi thì phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Phải đảm bảo hoạt động xả nước không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Việc lắp đặt hệ thống xả thải phải tuân thủ các quy định về hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ, đường thủy nội địa.

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: thực hiện lắp đặt đồng hồ đo và xác định lưu lượng nước thải thực tế theo ngày, tháng và năm.

Phụ lục 02**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 46 /GP-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2022 của UBND huyện Long Phú)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: chủ yếu là bóng đèn, nhớt thải từ các phương tiện vận chuyển... lượng phát sinh khoảng 02kg/tháng.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Vỏ tôm, nội tạng tôm, mực... khoảng 0,41 tấn/ngày.

- Rỗ, thau, thùng chứa hư hỏng... khoảng 0,41 tấn/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 40kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: trang bị ít nhất 02 thùng chứa riêng biệt có thể tích 60 lít/thùng.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: tối thiểu 05m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: mặt sàn phải kín khí, không bị thấm thấu, mái che kín nắng mưa.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: trang bị ít nhất 50 thùng chứa có thể tích 240 lít/thùng.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời: diện tích kho chứa tối thiểu 30m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời: vách tường, nền bê-tông, mái tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: trang bị ít nhất 01 thùng chứa có thể tích 240 lít/thùng.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa: bố trí hay không tùy thuộc vào điều kiện của chủ dự án.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại: không.

3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.

Khi xảy ra sự cố môi trường chủ dự án có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, chi trả chi phí ứng phó sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại, phục hồi môi trường sau sự cố.